Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3920.79.91

Mã HS	3920.79.91
Mô tả hàng hóa	Tấm, phiến, màng, lá và dải khác, bằng plastic, không xốp và chưa được gia cố, chưa gắn lớp mặt, chưa được bổ trợ hoặc chưa được kết hợp tương tự với các vật liệu khác / - Từ xenlulo hoặc các dẫn xuất hóa học của nó: / - - Từ các dẫn xuất xenlulo khác: / - - - Loại khác: / - - - - Dạng tấm và phiến (SEN)
Đơn vị	kg/m2/chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 21:30:50
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/39207991/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	9	9%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6071
Thuế NK ưu đãi (MFN)	6	6%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6071
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6071
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0 (-ID, MM)	0% (trừ ID, MM)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID)	0% (trừ ID)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	3.4	3,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E5881
ATIGA	2022	2022	0	AT!E5842
ATIGA	2023	2023	0	AT!F5842
ATIGA	2024	2024	0	AT!G5842
ATIGA	2025	2025	0	AT!H5842
ATIGA	2026	2026	0	AT!I5842
ATIGA	2027	2027	0	AT!J5842
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E5886
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F5886
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G5886
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H5886

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I5886
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J5886
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E5884
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F5884
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G5884
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H5884
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I5884
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J5884
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F5892
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H5848
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F5844
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G5844
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H5844
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I5844
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J5844
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K5844
VKFTA	2022	2022	0	VK!E5867
VKFTA	2023	2023	0	VK!F5867
VKFTA	2024	2024	0	VK!G5867
VKFTA	2025	2025	0	VK!H5867
VKFTA	2026	2026	0	VK!I5867
VKFTA	2027	2027	0	VK!J5867
VCFTA	2022	2022	2	VC!D5910
VCFTA	2023	2023	1	VC!E5910
VCFTA	2024	2024	0	VC!F5910
VCFTA	2025	2025	0	VC!G5910

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H5910
VCFTA	2027	2027	0	VC!I5910
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D5895
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E5895
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F5895
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G5895
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H5895
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I5895
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D5898
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E5898
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F5898
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G5898
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H5898
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I5898
EVFTA	2022	2022	2	EV-NK!D5883
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E5883
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F5883
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G5883
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H5883
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I5883
UKVFTA	2022	2022	2	UKV!D5885
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E5885
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F5885
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G5885
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H5885
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I5885

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D5867
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E5867
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F5867
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G5867
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H5867
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I5867
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J5867
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D5888
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E5888
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F5888
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G5888
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H5888
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I5888
RCEP B	2022	2022	0	B!D5888
RCEP B	2023	2023	0	B!E5888
RCEP B	2024	2024	0	B!F5888
RCEP B	2025	2025	0	B!G5888
RCEP B	2026	2026	0	B!H5888
RCEP B	2027	2027	0	B!I5888
RCEP C	2022	2022	0	C!D5888
RCEP C	2023	2023	0	C!E5888
RCEP C	2024	2024	0	C!F5888
RCEP C	2025	2025	0	C!G5888
RCEP C	2026	2026	0	C!H5888
RCEP C	2027	2027	0	C!I5888
RCEP D	2022	2022	0	D!D5888

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E5888
RCEP D	2024	2024	0	D!F5888
RCEP D	2025	2025	0	D!G5888
RCEP D	2026	2026	0	D!H5888
RCEP D	2027	2027	0	D!I5888
RCEP E	2022	2022	0	E!D5891
RCEP E	2023	2023	0	E!E5891
RCEP E	2024	2024	0	E!F5891
RCEP E	2025	2025	0	E!G5891
RCEP E	2026	2026	0	E!H5891
RCEP E	2027	2027	0	E!I5891
RCEP F	2022	2022	0	F!D5888
RCEP F	2023	2023	0	F!E5888
RCEP F	2024	2024	0	F!F5888
RCEP F	2025	2025	0	F!G5888
RCEP F	2026	2026	0	F!H5888
RCEP F	2027	2027	0	F!I5888
VIFTA	2024	2024	5.1	VI!F5437
VIFTA	2025	2025	4.3	VI!G5437
VIFTA	2026	2026	3.4	VI!H5437
VIFTA	2027	2027	2.6	VI!I5437

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3920.79 có 4 dòng thuế; dòng 3920.79.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dạng tấm và phiến (SEN).	3920.79.10 Từ nitrocellulose (thuốc nổ bông); 3920.79.20 Từ sợi lưu hóa; 3920.79.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3920.79.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 6% của mã 3920.79.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6071), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.